Chuyên Đề II:
(Song Ngữ)

NHÂN SINH QUAN CAO ĐÀI

* HDV: HT.BS. Bùi Đắc Hùm.

Chuyên Đề 2: Có (06) Bài Hướng Dẫn sau đây:

1. Bài số 1: Nguồn Gốc Con Người
2. Bài số 2: Sự Thành Hình Của Vũ Trụ. Nấc Thang Vô Vi
3. Bài số 3: Sự Thành Hình Của Con Người
4. Bài số 4: Cấu Tạo Của Con Người
5. Bài số 5: Đời Sống Của Con Người: Mục Đích Của Cuộc Sống, Luật Nhân Quả
6. Bài số 6: Sau Khi Chết Con Người Đi Về Đâu?

Bài số 1:

NGUỒN GỐC CON NGƯỜI

* **Đính kèm Bài Đọc Thêm:** (02)
1-Nhơn Sanh Quan Đạo Cao Đài (Trích Quyển Giáo Lý của Ngài Tiếp Pháp Trương văn Tràng).
2-Nhơn sanh quan (Trích Quyển "Bước Đầu Học Đạo" - Soạn giả: HT.Nguyễn văn Hồng).

Trong cuộc đời có lẽ có nhiều lúc ai ai cũng tự hỏi mình là ai, từ đâu đến, sống ở trên đời này để làm gì, và khi chết sẽ đi về đâu. Dĩ nhiên không mấy ai có thể có được câu trả lời thoả mãn. Tôn giáo đã cung hiến những lời dạy khác nhau, nhưng phần đông đều đồng ý với nhau về sự hiện hữu của một đấng tạo hoá, và dĩ nhiên đã mô tả đấng Tạo Hoá bằng những ngôn từ và hình ảnh khác nhau.

Thượng Đế hay Đức Chí Tôn được người bình dân gọi là Ông Trời.

Các tôn giáo gọi Ông Trời bằng những danh xưng khác nhau như;

Ấn Độ giáo gọi bằng Brahman,
Do Thái giáo gọi bằng Elohim, hay Yehvah, hay Jehovah
Lão giáo gọi bằng Đạo,
Phật giáo gọi bằng Chơn Như hay Chân Tâm,
Thiên Chúa giáo gọi bằng Christ hay là Đức Chúa Trời
Hồi giáo gọi bằng Allah,
Khổng giáo gọi bằng Thái Cực...

Danh từ Anh ngữ của đấng Tạo Hoá là Creator, nhưng chữ Creator chỉ phản ảnh ý nghĩa của chữ Tạo mà thôi. Danh từ Việt ngữ gọi đấng Tạo Hoá bao gồm ý nghĩa của chữ Tạo là làm thành và ý nghĩa của chữ hoá là biến đổi hàm ý có sự sanh động.

Dù dùng nhiều danh xưng khác nhau để gọi Đức Thượng Đế, các tôn giáo có những quan niệm về Thượng Đế rất giống nhau.

Vào thời văn minh cổ Ai Cập, sách Le Kybalion có nói rằng "vũ trụ này đã do một thực thể duy nhứt sinh hoá ra, thực thể ấy là Thần là sự sống là Trí Huệ" (Derrie`re l'univers du temps et de l'espace, se cache toujours la Re'alite' Substantielle, La Verite' Fondamentale. Le Kybalion trang 43) và "Vũ trụ này đã được sinh hoá từ một Nguyên Khí vô tận vô cùng vô thuỷ vô chung." (Le Tout est Esprit, L'Univers est Mental.

Le Kybalion, trang 26).
Như vậy Đức Chí Tôn được coi như là một đấng vô hình vô thuỷ vô chung sáng tạo nên vũ trụ.

Lão giáo gượng gọi đấng Tạo Hoá là Đạo, hàm ý rằng đấng Tạo Hoá không thể nào diễn tả được bằng ngôn từ. Chương 25 Đạo Đức Kinh diễn tả như sau: "Có cái tự nó hỗn luân mà sanh thành lấy nó. Cái ấy sanh trước trời đất, yên lặng, trống không, đứng một mình mà chẳng nghiêng, chẳng lệch, lưu hành khắp nơi mà chẳng mòn mỏi, cái ấy có thể gọi là nguồn sanh hoá của vạn vật, ta không biết tên gì, gượng gọi là Đạo."

Theo quan niệm này, đấng Tạo Hoá tự nhiên mà có từ một trạng thái hỗn độn, không hình tướng (yên lặng, trống không) và là nguồn sanh hoá của muôn vật.

Nho giáo gọi đấng Tạo Hoá là Vô Cực: "Vô Cực nhi Thái Cực" (Chu Liêm Khê 1017-1073) hàm ý rằng Thái Cực từ Vô Cực mà ra. Trong hai danh từ này, Vô Cực là trạng thái trống không nhứt, trạng thái tĩnh, còn Thái Cực diễn tả một quyền năng tối thượng (cao nhứt), một trạng thái động. Vô Cực là cái bản thể vô vi, tự tại, lặng lẽ, bất biến, người ta dung ngôn ngữ để mô tả thì không nói rõ được, dùng trí phàm để ngẩm nghĩ thì không ngẩm nghĩ nổi, nhưng đứng về phương diện dịch lý thì gọi Vô Cực là Thái Cực để diễn tả đầu mối sanh ra Âm Dương (Trương Văn Tràng, Giáo Lý 1974, tr. 65).

Để diễn tả quyền năng tối thượng của đấng Tạo Hoá, Nho giáo có câu: "Trời có nói gì đâu? Mà bốn mùa vận chuyển, vạn vật sanh sôi nảy nở. Trời có nói gì đâu?"
(Khổng Tử, Luận Ngữ)

Ấn Độ giáo gọi Đức Chí Tôn là Brahman, đấng tối cao, vô hình, bất sanh, bất diệt, bất hư, bất hoại. (Verily, that great unborn soul, undecaying, undying, immortal, fearly, is Brahman. Brih. Up. 4.4.25). Hoặc Brahman là linh quang, không đầu, không cuối, là đấng sáng tạo nên tất cả. (Primal energy is Brahman. That Brahman is beginningless, transcendant, eternal. Bhagavad Gita).

Do Thái giáo gọi Đức Chí Tôn là Elohim hay là Yehvah hay Jehovah. Theo Huyền môn Kabalah thì Thượng Đế là Hư Vô, bản thể tuyệt đối của vũ trụ. Khi vũ trụ chưa thành hình thì Thượng Đế được gọi là Ein-sof, hay là Linh quang (Divine Essence, the Light of the Infinite), và Linh quang là một trạng thái hư vô gọi là cõi hư không (Belimah, or the Nothingness).

Thoạt kỳ thuỷ, Âm quang tạo nên một khoảng trống không trong khối Linh quang làm thành một tình trạng hỗn độn trong khoảng chân không, một trạng thái hỗn độn giữa nguồn tối và sáng của thuở ban đ ầu. ["In the beginning of the King's authority, the lamp of darkness (Yin energy) engraved a hollow in the Supernal Luminescence...and the hollowing of the Divine Essence occurs in Tohu and Bohu (Chaos and Void). He stretches the north on Chaos, He hangs the earth on Nothingness (Beli-mah)]. (Job 26:7) Khi vũ trụ được thành hình, thì Thượng Đế được gọi là Thái Cực (Kether), và vũ trụ được thành hình trong hệ thống thập duyên gồm có:

1- Kether (Thái Cực, Trời)
2- Chocmah (Dương quang, expansive force)
3- Binah (Âm quang, astringent force)
4- Chesed (Nghĩa, Benevolent force)
5- Gebirah (Lễ, Destructive force)
6- Tiphered (Tín, harmony, equilibrium)
7- Netzach (Nhân, love)
8- Hod (Trí, Intelligence, Objectivity)
9- Yesod (Dục giới, Astral kingdom of desires, human desires)
10-Malkuth (Sắc giới, Terrestrial kingdom)

Và sau đó, bắt nguồn từ đạo Do Thái là đạo Thiên Chúa và đạo Hồi.

Phái huyền môn của đạo Thiên Chúa cho rằng Đức Chúa Trời là đấng vô hình được gọi là Đạo hay là Ngôi Lời: "Khi chưa có trời đất thì đã có Đạo, Đạo ở cùng Đức Chúa Trời và Đạo là Đức Chúa Trời. Đạo tạo ra Càn Khôn thế giái. Không có Đạo thì không có gì." (Before the creation, there was the Word. The Word was with God, and the Word was God. All things are made by Him, and without Him, was not anything made that was made. John 1:1-3)

Danh từ ngôi Lời không nhứt thiết có nghĩa là tiếng nói, vì nếu cho rằng ngôi Lời là tiếng nói, tự nhiên sẽ có câu hỏi rằng tiếng nói ấy ra sao? của nước nào? Hebrew, Á Rập, Anh Pháp v.v..? Ngôi Lời thật ra là tư tưởng, một hình thức rung động hay là âm ba của linh quang (vibration of energy) và chính linh quang là một trạng thái của Thượng Đế.

Ngôi Lời có thể coi như tương ứng với âm nguyên thuỷ AUM hay OM của Ấn Độ giáo. Theo Ấn Độ giáo, AUM hay OM là biểu tượng mãnh liệt nhứt của đấng Thiêng Liêng cả ở thế giới bên ngoài và thế giới nội t âm, là âm thanh nguyên thuỷ, là thần linh tối thượng, là nguồn cội của vạn vật và chúng sanh (có th ể coi như tương ứng với tiếng nổ lớn BIG BANG của khoa h ọc). AUM được dùng như lời cầu nguyện mở đầu và kết thúc trong các buổi lễ của Ấn Độ giáo.

Huyền môn Hồi giáo thì gọi Đức Chí Tôn là Allah, là Huệ quang, là Tình Yêu, là Linh quang hay là Hư Vô (God may be defined as the consciousness of the One Reality, be it called Wisdom, Light, Love or Nothingness. Annemarie Schimmel, Chapel Hill 1975. Mystical dimension of Islam).

Vì Phật giáo cho rằng tất cả đều là không cho nên mới có sự hiểu lầm cho rằng Phật giáo là vô thần, phủ nhận Thượng Đế. Thật ra, lúc còn tại thế, sau khi đắc đạo, Đức Phật không muốn thảo luận về nguồn gốc con người, vì vấn đề này quá cao siêu trừu tượng khó hiểu, mà chỉ quan tâm hướng dẫn chúng sanh trên con đường thoát khổ. Khi được hỏi về nguồn gốc con người, đức Phật trả lời rằng: "Khi có người bị một mũi tên độc thì ta phải làm gì? Có cần phải truy nguyên tìm hiểu nguồn gốc của mũi tên độc hay là tìm ngay cách cứu sống con người. Nếu ta cứ quan tâm tìm hiểu nguồn gốc của mũi tên, hoặc tìm hiểu nguồn gốc con người thì con người sẽ chết trước khi tìm ra sự thật."

Thật ra, sau khi đắc đạo, Đức Phật đã để ra 21 ngày để giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng về huyền nghĩa "nhất tâm chân như, pháp giới duyên khởi", thuyết minh về sự thành hình của vũ trụ vạn hữu để hoá độ cho hạng thượng thừa bồ tát. Kinh Hoa Nghiêm cho rằng mọi sự vật trong vũ trụ đều do tâm mà ra. Và Tâm đây là Tâm Chân Như, hay là Chân Không Diệu Hữu, Bản thể, hay gọi một cách khác là cái Tâm Không, cái tâm Phật, hay là Phật tính. Khi tâm trở thành không, con người sẽ tìm thấy Phật tánh. Và tâm này là Chân Tâm, Chân Ngã, Niết Bàn, Bất sinh bất tử. Phật giáo có câu: "Chân Như là bản thể của vũ trụ, chẳng sinh chẳng diệt, không trước không sau, chẳng thêm chẳng bớt, tịnh thì gọi là Chân Như, động thì hoá dục vạn vật." Trạng thái tịnh hay là Chân Như tương ứng với Vô Cực của Nho giáo, còn trạng thái động hoá dục vạn vật thì tương ứng với Thái Cực.

Tóm lại, **Phật giáo gọi Thượng Đế là Chân Tâm, Chân Như, Chân Ngã, Niết Bàn,** bất sinh bất diệt. Con người muốn trở về hiệp một cùng Thượng Đế thì phải trở về với cái tâm không.

Cao Đài gọi Thượng Đế là Đức Chí Tôn, là Thầy. Đức Chí Tôn là Hư Vô chi khí hay còn gọi là Đại Đạo, là Vô Cực. Khí Hư Vô có từ trạng thái Hỗn Độn (do đó mới có danh từ Hỗn Độn Tôn Sư, Hỗn nguơn thiên). Từ khí Hư Vô, có ngôi Thái Cực, và Âm Dương, và có sự thành hình của Càn Khôn thế giái:

Thủa chưa dựng nên ngôi Trời đất,
Khoảng không không mịt mịt mờ mờ,
Hỗn nhiên một khối ban sơ,
Vần vần luân chuyển gồm cơ nhiệm mầu.

Khí khinh khinh toả sâu rộng khắp,
Ánh huyền huyền bền chặc lưu hành,

Vô hình vô tình vô danh,
Cưỡng viết Đại Đạo hoá sanh vô cùng.

Tượng một điểm tựu trung duy nhất,
Là Lý, ngôi Thái Cực Thánh Hoàng,
Vận hành phân khí tạo đoan,
Âm Dương ngưng tụ thế gian lập thành.
(TGST 1966-67 tr. 39)

Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đương mịt mịt mờ mờ với khí hồng mông, vì đó còn trong thời kỳ bổn nguyên vậy. Không gian ấy tức là Vô Cực. Trong Vô Cực ấy lại có cái nguyên lý Thiên Nhiên tuyệt diệu tuyệt huyền, rồi lại có thêm một cái nguyên khí tự nhiên nữa. Lý với khí ấy tức là Âm với Dương trong buổi Hồng Nguyên thời đại. Lý, khí ấy lại lần lần ngưng kết với nhau mà đông tụ lâu đời nhiều kiếp mới thành ra một khối tinh quang rất đầy đủ các sự tốt đẹp.

Chừng đúng ngày giờ khối ấy mới nổ tung ra một tiếng vang lừng dữ dội phi thường, làm cho rúng động cả không gian, bèn có một điểm linh quang từ trong tiếng nổ ấy văng ra mà lẫn lộn quây quần giữa chốn không trung, dang tủa hào quang rất chiếu diệu rạng ngời, trùng trùng điệp điệp, rực rỡ chói loà khắp cả mọi nơi. Ấy chính là ngôi Chúa Tể của Càn Khôn Vũ trụ đã biến hoá ra vậy: mà vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực trọn lành, trọn tốt, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hoá, vô tận vô cùng, nắm trọn quyền hành, thống chưởng cả Càn Khôn Vũ Trụ, và lấy cơ thể âm dương mà phân thanh biện trược, là máy động tịnh để gom tụ cái hư vô đặng hoá sanh muôn loài vạn vật.

Đạo Cao Đài dùng Thiên Nhãn để tượng trưng cho Đức Chí Tôn. Ý nghĩa củ Thiên Nhãn được giải thích như sau: "Nhãn thi chủ tâm, lưỡng quang chủ tể, quang thị thần, thần thị Thiên, Thiên giả ngã giả." Nghĩa là: "mắt là chủ của lòng, hai luồng sáng (âm quang và dương quang tương ứng với electrons và protons) là chủ tể, nguồn sáng là thần, thần là trời, trời là ta vậy."
Khi tạo thành muôn vật Đức Chí Tôn dạy rằng: "Thầy là các con, các con là Thầy." nghĩa là tất cả đều có cùng chung một bản thể.

Khoa học không dùng danh xưng Thượng Đế để gọi đấng tạo hoá mà chỉ nói rằng vũ trụ được thành lập từ khoảng không và Khí Hư Vô của đạo giáo thì được khoa học gọi là cosmic soup. Còn Âm quang và Dương quang của đạo giáo thì tương ứng với âm điện tử (electrons) và dương điện tử (positrons), và vũ trụ được thành lập do bởi hiện tượng big bang, một tiếng nổ lớn. Hiện tượng big bang cũng đã được đạo Cao Đài đề cập tới khi nói về việc thành lập Càn Khôn vũ trụ.
Khoảng không của khoa học tương ứng với Khí Hư Vô, Đạo Thái C ực, Chân Như, ngôi Lời, Linh quang, Allah v.v.. của Đạo giáo.

Tóm lại, đạo giáo và khoa học đã có quan điểm giống nhau cho rằng Hư Vô, một năng lực vô hình, bất sanh bất diệt, toàn năng toàn tri đã tạo thành vũ trụ và muôn vật. Năng lực vô hình này được gọi bởi nhiều tên khác nhau như là Đạo, Đại Đạo, Ein-sof, Đức Chúa Trời, Allah, Trí Huệ, Thái Cực, Brahman, Linh Quang, Tâm Chân Như, Tâm Phật, Cao Đài, Khoảng Không...
Và Đức Chí Tôn là nguồn gốc của Càn Khôn Vũ Trụ và muôn vật ./.

HẾT

***HT. BS. Bùi Đắc Hùm**

(Bản dịch sang Anh Ngữ)

Bài số 1:

NGUỒN GỐC CON NGƯỜI

*HDV: HT. Bùi Đắc Hùm, MD.

* * *

ORIGIN OF HUMAN BEINGS

Regarding the Supreme Being, CaoDai believes that before the creation of the heavens and universes, the cosmic ether was a kind of stillness, quietness, or nothingness; and at the same time there was within it a kind of primordial chaos, indistinct and shadowy with mixtures of pure and impure materials, which is called "the Tao" or pre-creation ether. CaoDai said: "The Cosmic Ether created only Me. So, who created these religious founders? It was Me, theTao. You must understand this. If I did not exist, there would be nothing in the universe. And if there were no Cosmic Ether, then I would not exist either."
It was into this cosmic ether that the great source of Divine Light appeared called "Thai Cuc" (Monad) or the Supreme Being. CaoDai holds that the Supreme Being is the "Great Sacred Light"-or Energy-and human beings are the "little sacred lights." The Monad then created Yin and Yang, the two opposite logos: "Am Quang" (Yin Darkness) and "Duong Quang" (Yang Energy). Yin is heavy, dark, cold, dense, negative, inactive… while Yang is clear, bright, warm, pure, positive, active… Yin and Yang interact with each other to form the heavens and universes, of which Yang is the origin of the invisible spiritual part, and Yin is the mother of all visible physical manifestations.
In explaining the meaning of the All Seeing Eye, the symbol of the new faith, the Supreme Being taught:

"The Eye is the Master of the heart.
The two sources of Energy, Yin and Yang, are the Masters of Creation (that is to say, these two sources of Energy correspond to electrons and protons and are responsible for the creation of the universe).
Energy is, in turn, the Spirit;
Spirit is the Supreme Being."
And the Supreme Being is from the midst of The Invisible Void, or the Nothingness (called in Buddhism Shunyata or in Judaism Beli-mah).

Taoism describes this process in the following way: "The Tao begets One, The One begets two, two begets three, three begets ten thousand beings; ten thousand beings carry Yin on their back and hold Yang in front, blending these two vital breaths to attain harmony." (Tao Te Ching, 42) Taoism calls the Creator the Tao, and the Tao is nothing but the nothingness: "There was something nebulous, existing before the heaven and earth, silent, empty, standing alone, altering not, moving cyclically without being exhausted, and which may be called the mother of all under heaven." (Tao Te Ching, 25)

Regarding the Creator, Judaism considers God or Elohim as a state of consciousness that pertains neither to perception nor to non-perception. Or, in other words, the state of consciousness perceiving Nothingness. In the beginning of the King's authority, the lamp of darkness engraved a hollow in the Supernal Luminescence...and the hollowing of the Divine Essence occurs in Tohu and Bohu. (Chaos and Void) "He stretches the north on Chaos, He hangs the earth on Nothingness (Beli-mah)" (Job 26:7)

Similarly, Christianity says: In the beginning was the Word and the Word was with God and the Word was God. All things are made by Him; and without Him was not anything made that was made. (John 1:1-3)
God is light and in Him is no darkness at all. (John 1:4)

Islam says: Allah is the light of the heavens and the earth. (Koran)

Sufism says: “In the widest sense, Islamic mysticism may be defined as the consciousness of the One Reality - be it called Wisdom, Light, Love or Nothing.” (Annemarie Schimmel, Chapel Hill, 1975, Mystical Dimension of Islam)

Hinduism says: He is the one light that gives light to all. (Katha Upanishad) Primal energy is Brahman.That Brahman is beginningless, transcendant, eternal. (Bhagavad Gita)

Sikkhism says: God, being truth, is the one light of all. (Adi Granth)

The common Buddhist conception is that the Creator and living beings came from the nothingness: “There is an unborn, not become, not made, unmanifest.” (Samyutta- Nikaya of Theravada Buddhism)

Confucianism says:

Does Heaven ever speak?
The four seasons come and go,
and all creatures thrive and grow.
Does Heaven ever speak?

The Supreme Being is therefore called under various names by various religions: The Nothingness, The Void, The Light, The Sacred Light, The Wisdom, The Love, The True Self, The Absolute Self, The Truth, The Word, The Monad, The One…

Regarding the formation of the universe, the Supreme Being gave the following message: "After creating the universe, I divided My spirit and with it made all creatures, plants and materials. Everything in this universe comes from My spirit, and therefore has a life. Where there is life, there I am, even in materials and plants. I am each of you and you are Me."

Everything in this universe is derived from Yin and Yang. The proportion of Yin and Yang dictates the properties of each dimension. More advanced souls enter dimensions which have a higher proportion of Yang and would be lighter, brighter, calmer, more beautiful, and may be called the heavens. Less advanced souls enter dimensions which have a higher proportion of Yin, and would be heavier, darker, and more burdensome with many cruel souls and may be called hells.

Spiritually, everything in the universe shares a part of the Supreme Being's spirit, which is called the Conscience, or the soul, in human beings. Physically, everything in the universe has a visible body, consisting of a mixture of Yin and Yang, which is well demonstrated by science under the form of electrons and protons in atoms, the basic common elements of all physical reality--including materials, plants, animals, and human beings.

Modern science has also come up with the notion of the void, which, according to the field theory, is far from empty, but in contrary, contains an unlimited number of particles which come into being and vanish without end. (Fritjof Capra. The Tao of Physic. 1984. p. 209) This scientific conception so far has brought science closer to the contradictory Eastern nothingness, or void, or cosmic ether, which at the same time is considered as the suchness as stated the following phrase in Buddhist Prajna-paramita-hridaya Sutra: “Form is emptiness, and emptiness is indeed form. Emptiness is not different from form; form is not different from emptiness. What is form that is emptiness; what is emptiness that is form.”

Science itself has contended that the universe came out of the nothingness, the void, when there was no space, and there was no time.
Time is not an ever-flowing stream which gushes from forever in the past to forever in the future. The flow of time is intimately linked to space - and to matter and gravity. We cannot speak of what happened before the Big Bang, because time itself did not exist then.

Before space existed, nothing could exist; there was nowhere for it to exist. Our universe probably came into existence not only from nothing, but from nowhere. Science cannot answer the question of why the universe began. All we know is that something happened. The Big Bang took place about 13 billion years ago. From nothing, a tiny speck of brilliant light appeared. It was infinitely hot. Inside this fireball was all of space. With the creation of space came the birth of time. The infant Universe was searingly hot, brimming with the energy of intense radiation. Albert Einstein's famous equation E=mc2 says that mass and energy are interchangeable: one can be turned into the other. In the early Universe, the energy of the radiation was so intense that it could spontaneously transform into matter, which took the form of subatomic particles, such as electrons and positrons. (Presently, Stanford University is still continuing the experiment of creating matter from electrons and positrons.)

From those tiny sources of energy, the Universe was created. The Creator being composed entirely of energy, thus is the Universe.
It is clear from the discoveries of modern science relating to the nature of molecules and atoms, which are simply composed of energy, that everything, whether it is what we term animate or inanimate, is in motion and also seems to exhibit some form of organizing intelligence.

The levels of heavens depend on the proportion of Yin and Yang forces (energy) in their constitution. A level with more Yang would be lighter, brighter, higher, and closer to God. Each level would accommodate corresponding souls. Souls with good emotions (more Yang) would be lighter and dwelling at higher dimensions. Souls with more negative emotions, with less Yang or more Yin, would be heavier, and dwelling at lower, darker, colder dimensions.

Emotions are like coats. The more negative emotions one has, the more heavy coats one wears, the heavier one is, and the lower dimension one inhabits.
When one is in a physical body, heaven or hell is in one's heart. People with a good heart feel like they are already in heaven. People with negative emotions feel very heavy, miserable, with suffering in their heart, or in other words, as if they are already in hell. Although they lived on earth, did not Buddha and Jesus always live as if they were already in heaven? The way to cultivate one's spiritual self is to return to one's inner self to find the quietness (without being attached to emotions) in one's heart-which is a state of Nirvana./.

BÀI ĐỌC THÊM số 1

(Kèm theo Bài Hướng Dẫn số 1 - Chuyên Đề II: Nhân Sinh Quan)
* HDV: HT. BS. Bùi Đắc Hùm)

NHƠN SANH QUAN ĐẠO CAO ĐÀI

* Trích Quyển Giáo Lý của Ngài Tiếp Pháp
(Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản năm Canh Thìn - 2000 tại Hoa-Kỳ)

Đạo tạo dựng Trời Đất hóa sanh muôn loài thì vô danh, như đã nói trong chương trước, nhưng có điều nên lưu ý là Đạo ấy tác động đến đâu thì lại có tên tạm gọi khác:

Đại để như:

Khi tác động đến Vũ Trụ thì Đạo Vô danh tạm gọi là lý Thiên Nhiên, hay lý Thái Cực.
Khi tác động đến Nhơn sanh lại gọi Mạng Trời, Thiên Lý Tánh hay Đạo.
Cũng như sách Trung Dung nói rằng:

"Thiên mạng chi vi Tánh,
Xuất tánh chi vi Đạo ".

Nghĩa là Mạng Trời thị gọi Tánh, tuân hành theo Tánh gọi là Đạo.
Vậy Đạo ở nơi người là Mạng Trời là Thiên Lý mà người ta phải tuân theo để làm người và cầu giải thoát kiếp tử sinh.

Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn năm Bính Dần 1926) dạy rằng:

"Đạo là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật theo đó mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các Nhơn Phẩm do theo mà lánh khỏi Luân Hồi, nếu chẳng theo Đạo thì các bậc ấy đều lạc bước mất hết Ngôi phẩm. Đạo nghĩa lý rất sâu xa, nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó, rồi sau sẽ học các nghĩa lý huyền bí khác.
Đời cũng thế, Đạo cũng thế. Chẳng có Đạo thì chẳng nên Đời. Chẳng có Đời thì chẳng nên Đạo. Lấy Đạo trau Đời, mượn Đời giồi Đạo; Đạo nên, Đời rạng, giũ áo phồn hoa nương bóng khổ, trăm năm mãn cuộc, tự mình thanh tao, mến mùi tự toại dưỡng chí thanh nhàn, thì có chi hơn ".

Vậy Đạo là Tánh, Tánh là Đạo; khi ở nơi người Tánh là bản thể của Tâm. Tâm với Tánh tuy hai danh từ mà sự tác động vốn một.
Có điều đáng tiếc là khi người ta nhập thế cuộc, nhục thân giao tiếp với vật chất sanh lòng hiếu ố, kích động Tâm làm cho Tánh biến sanh nhiều trạng thái khác như Vương Dương nói rằng:

"Thân chi chủ tể tiện thị Tâm.
Tâm chi sở phát tiện thị ý.
Ý chi bản thể tiện thị Trí.
Ý chi sở tại tiện thị Vật ".

Nghĩa là chủ tể của Thân là tâm, cái sở phát của Tâm là Ý, bản thể của Ý là Trí; Ý ở chỗ nào thì nó là vật.
Vậy chúng ta có thể nói rằng: Tâm là cái thống danh gồm cả Tánh, Ý, Trí, Vật. (Tâm: Tánh, Ý, Trí, Vật)

Muốn được rõ ràng sự biến thiên của Tâm lý chúng tôi tạm cái thuyết "Bát Thức " của Phật Giáo (Duy Thức Học) để giảng giải.
Chúng tôi xin tạm chia ra làm hai đoạn: Sáu Thức ngoài và hai Thức trong

A- <u>SÁU THỨC NGOÀI</u>:

Lục căn:
Mắt
Tai
Mũi
Lưỡi
Thân
Ý

Lục Trần:
Sắc
Thinh
Hương
Vị
Xúc
Pháp

Lục Thức:
Nhãn thức
Nhĩ thức

Tĩ thức
Thiệt thức
Thân thức
Ý Thức

Mắt thấy Sắc thì sanh Nhãn thức.
Tai ngheTthinh thì sanh Nhĩ thức.
Mũi ngửi Hương thì sanh Tĩ thức.
Lưỡi nếm Vị thì sanh Thiệt thức.
Ý tiếp Pháp (1) thì sanh Ý thức.

_____
(1) Pháp là tư tưởng, dục tình tức sự vật ở đời

1)- Sự tác động của Ngũ Thức: Nói riêng về Ngũ Thức (Nhãn thức, Nhĩ thức, Tĩ thức, Thiệt thức, Thân thức), chúng nó lấy Ngũ quan làm Nhơn và Ngũ trần làm Duyên; nhơn duyên giao cảm mà sanh Ngũ Thức; nhưng về mặt tinh thần, chúng nó mượn cái biết của A-Lại-Da-Thức làm gốc.
Sách Duy Thức Luận bài số 15 nói rằng:

" Ý chỉ căn bản thức,
Ngũ thức tùy duyên hiện.
Hoặc câu, hoặc bất câu.
Như ba đào y thủy ".

Nghĩa là năm Thức lấy cái biết của A-Lai-Da-Thức làm căn cơ, rồi tùy duyên mà ứng hiện. Có khi chúng nó hiệp nhau, có khi không hiệp.

Năm Thức lấy cái biết của A-Lại-Da-Thức làm chủ cho sự hành động cũng như sóng ba đào mượn nước để làm chỗ vẫy vùng kia vậy.
Nên hiểu rằng khi vô sự, Tâm chưa phát động thì Ngũ Thức là cơ quan thể hiện Chơn lý ở trong Tâm truyền ra, nhưng khi hữu sự, Tâm động thì Ngũ thức chạy theo vật chất như đã kể trên, rồi nó lại truyền cái hay biết của nó vào ý thức, để tư lường tính toán lợi hại. Đó chỗ khởi đầu của Ý Thức hiệp với Trí thức, sanh ra dục tình phức tạp, tư tưởng lãng mạn.

2)- Sự tác động của ý thức: Ý thức lấy Mạt-Na-Thức làm căn, cũng như năm thức ngoài dựa vào Ngũ quan làm bổn. Ý thức hiện sanh là vì giao tiếp với Pháp trần (Sự lý hữu vi, vô vi ở đời) do năm Thức ngoài truyền vào. Thức thứ sáu nầy có đủ quan năng: Suy nghĩ, phân biệt tốt xấu, hơn kém. Lòng hiếu ố theo đó mà sanh.

Ví dụ thứ nhứt: Nếu gặp cảnh nghịch lý thì lòng hờn ghét nổi lên và xô đuổi những sự vật không thích ý đi cho xa thật xa.

Ví dụ thứ hai: Nếu gặp cảnh thích ý lòng ham muốn nổi lên và xúi giục người ta lo thâu đoạt vật ấy về với mình. Lòng ham muốn nầy, nếu được thỏa mãn thì vui mừng, rồi lại sợ hư, sợ mất mà phải lo săn sóc, giữ gìn. Trái lại, nếu thất vọng thì đâm ra phiền não, oán ghét, hờn giận.
Nên biết rằng: Tính dục do ý thức sanh ra, vốn muôn vàn hình trạng, không sao kể xiết; nhưng kinh Phật tóm tắt gọi là: Thất tình (Hỉ, Nộ, Ai, Lạc, Ái, Ố, Dục) và Lục dục (Muốn sắc, ham thính, muốn hương, muốn vị, muốn xúc và muốn pháp).

Thất tình và Lục dục, khi ở trong Ý Thức thì tùy cơ duyên bên ngoài mà hành động, mãi đến lúc cơ duyên bên ngoài hết thì nó theo Mạt-Na-Thức vào ở ẩn trong A-Lại-Da-Thức, để chờ cơ hội khác xuất hiện hành động nữa.

Tham, Sân, Si là ba món độc gây thành Tâm bịnh của Chúng sanh. Kể sơ lược như: Chúng ta có lòng ham muốn (Tham) như đã kể trên thì nó giục thúc chúng ta phải lo thâu đoạt vật muốn về

mình. Lòng ích kỷ nếu được thỏa mãn thì vui mừng, rồi lại sợ hư, sợ mất phải lo săn sóc, giữ gìn.
Trái lại nếu thất vọng thì hờn giận, oán ghét đó là " Tham " sanh ra " Sân " mà hễ có " Sân " thì có " Si " (Vô minh), nghĩa là không biết trong thâm tâm người ta có điểm tánh của Trời ngự trị, để chủ tể sự hành vi của người và không biết làm dữ thì họa trả lại.
Sáu thức ngoài, tuy mỗi thức có cái biết riêng biệt, và tùy hoàn cảnh hành động khác nhau, nhưng ý thức làm chủ cả và Ý thức cũng gọi là đệ lục giác quan nữa.

B- <u>HAI THỨC TRONG</u>:
1)- Sự tác động của Thức thứ bảy. (Mạt-na-Thức)

Duy Thức Luận bài só 5 nói rằng:
Thử vi nhi năng biến.
Thị thức danh Mạt-Na.
Y chỉ truyền duyên hỉ.
Tư lường vi Tánh tướng.

Nghĩa là: Cái lực năng biến thứ nhì tên là Mạt-Na-Thức nó mượn A-Lại-Đa-Thức làm đối tượng để suy nghĩ. Tư lường là tánh tướng của nó.

Giảng lý: Mạt-na-Thức có tên riêng là Ý-căn, vì Ý-thức nương nó mà hiện sanh. Đến lượt nó, Mạt-na-Thức lại lấy A–lại-Da-thức làm chỗ ỷ lại đặng chuyển biến. Nó còn có phận sự khác là: Thông truyền cái biết của Chơn-trí ra sáu Thức ngoài để hành động, tức truyền cái Chơn niệm ở trong ra ngoài, rồi nó lại thâu cái Vọng-thức ở ngoài vào trong.

Đại để như: Nó thâu thập những tư tưởng lãng mạn, những dục tình phức tạp của sáu Thức ngoài, truyền vào A-lai-Da-Thức đặng giữ gìn, cất kín. Rồi nó quay lại nhận những chủng tử (Hột giống) trong thức thứ tám làm đối tượng để quan niệm, nghĩ suy, cho nên nói tư lường là tánh tướng của Mạt-na-Thức.

Tư lường là gì?
Tư lường là ý nghĩ, quan niệm, lo âu. Mạt-na-Thức đã chấp lấy cái thân của A–lai-Da-Thức, tức là nhục thân hiện tại làm cái ngã Chơn thật, rồi lại chấp những sự vật ở cõi đời bên ngoài tức là chư pháp làm quí trọng, rồi theo đó mà quan niệm, ý kiến để cũng cố nhục-thân hiện tại cho được sung sướng, thỏa mãn và sống lâu.

Cái năng lực tư lường nầy ngấm ngầm nghĩ suy không ngừng. Xem như khi chúng ta đang suy xét việc hiện tại thì thoạt nhiên có tư tưởng quá khứ, hay vị lai lại xen vào, làm cho sự suy xét của mình gián đoạn. Thậm chí, trong đêm vắng canh khuya, Nhục-thân an nghĩ mà Mạt-na-Thức cứ vu vơ nghĩ ngợi ? Người ta sở dĩ có chiêm bao mộng mị là lẽ ấy.

Về việc chiêm bao, có lẽ ai cũng có kinh nghiệm rồi. Giả tỉ khi Nhục-thân nầy nằm ngủ trên giường mà ý thức bắt chúng ta phải làm thân khác. Nếu làm thân giàu có, thì lên xe xuống ngựa. Trái lại, nếu làm thân nghèo hèn thì y phục rách rưới lang thang, đi theo xó chợ đầu làng. Trang Tử khi nằm mộng làm bướm. Lúc bấy giờ Ông cũng thích thú làm bướm. Ông nói: " Không biết Trang Chu mộng bướm, hay bướm mộng Trang Chu ".
Sở dĩ có sự kiện ấy làvì ý thức bắt người ta mê tít đi, quên lững cái nhục thân hiện tại, mà chỉ biết sống với cái thân trong giấc mộng.

Kinh Lăng Nghiêm nói:
Thức là mơ tưởng,
Ngủ là mộng tưởng.

Kinh Phật thường nói ham sống (1) là hột giống sanh kiếp luân hồi. Tại sao? Bởi vì khi sanh tiền, chúng ta bám lấy thân Ngũ-uẩn và muốn cho nó sống mãi. Đến khi thân Ngũ-uẩn nầy tan rã thì lòng ham muốn giục thúc chúng ta phải tạo thân Ngũ-uẩn khác nữa. Thế nên nói rằng ham sống là hạt giống tạo kiếp

sanh tử luân hồi.

_____
(1) Ham sống chẳng phải tự diệt mà thật phải tránh sự ham muốn vật vì ham sống thì sanh lòng ích kỷ, gây tội tình nhơn quả.

Duy thức học nói rằng:

Tứ phiền não thường câu.
Vi ngã si, ngã kiến.
Tịnh ngã mạn, ngã ái.
Cập dữ xúc đẳng câu.

Nghĩa là nó thường níu kéo bốn căn phiền não là: Ngã-si, Ngã-kiến, Ngã-mạn, Ngã-ái cùng với Tham, Sân, Si để tưởng tượng mơ màng. Tham, Sân, Si đã có giải rồi trong khoảng Ý-thức.

Bây giờ xin giải nghĩa tứ phiền não.

a- Ngã-Si: nghĩa là mê muội, không biết Bổn-tánh chơn thật của mình, rồi nhận cái giả làm cái Chơn mà đối với lẽ Đạo; thì không biết Vũ-tru, Nhơn-Sanh là gì, mà bướng bỉnh cho mình là quán thông Chơn-lý.

b- Ngã -Kiến: Ngã-kiến nghĩa là chấp lấy ý kiến của mình là chí thiện, rồi chẳng học hỏi chi nữa. Kinh Phật chép bọn người mù xem voi: Người thứ nhứt rờ đuôi voi, rồi bảo rằng voi giống cây chổi. Người thứ hai rờ chân voi, rồi bảo rằng voi giống cây cột. Mỗi người quả quyết cái biết của họ là đúng. Người sáng nghe thấy bọn mù thì buồn cười. Thế mà họ hiu hiu tự đắc. Người đời, nếu căn cứ theo cái mê lầm của Mạt-Na-Thức mà nhận định sự vật (chư pháp) thì chẳng khác nào nhóm người mù biết voi.

c- Ngã-Mạn: Ngã-mạn nghĩa là bướng bỉnh, khoe khoan, tự cho mình là tài giỏi hơn tất cả mọi người.

d- Ngã-Ái: Ngã-ái là chỉ biết có mình là quí trọng tài cao, đức rộng, không ai sánh bằng và muốn mình được tôn sùng và sống mãi.

Nói rút lạt, Mạt-na-thức có tánh si mê, bướng bỉnh, nó nương vào thân của A-Lai-Da-Thức (Nhục thân mà hiện sanh, rồi chấp lấy cái thân ấy là ngã chơn thật, song sự thiệt đó là cái Ta giả hiệp vậy).
Đáng buồn là nó lấy giả làm thiệt mà lại cho là hơn tất cả mọi người.

2)- Sự tác động của A-Lai-Da-Thức (Thức thứ tám):
A-Lai-Da-Thức có hai trạng thái: Tịnh và Động. Tịnh thì nó tích lũy Chơn lý, Động thì sanh Vọng-tưởng là cái màn vô minh che khuất chơn lý.
Nguyên lúc ban đầu, A-Lại-Da-Thức vốn tịnh thì nó thông truyền Chơn-lý ra bảy thức ngoài để thể hiện Thiên - Đạo thành Nhơn-Đạo; nhưng khi nó bị nhục thân lôi cuốn thì nó thiên về phàm trần mà rồi nó thu nạp những vọng niệm của 7 thức ngoài truyền vào, cho nên nó có tên là Hàm-tàng-thức (Cái tạng chứa các thức).

Kinh Lăng Nghiêm có chép:
"Thí như hải lảng
Tự do mãnh phong khởi
Hồng ba cổ minh hắc
Vô hữu đoạn tuyệt thời
Tạng thức hải thường trụ
Cảnh giới phong cổ động".

Nghĩa là: Thí như biển tịnh mà sanh động là tại gió thổi mạnh mà sóng nổi dậy, chẳng có giờ phút nào ngừng. Tạng-thức bổn lai thường trụ, nhưng gió làm nổi sóng, rồi lượn sóng nầy xô đuổi lượn sống kia mà

thành ra sóng vẫy vùng làm loạn cả chơn tâm. Chính trạng thái động làm khuất trạng thái tịnh hay Nhơn-dục tế tắc Thiên-lý là vì lẽ đó.

A-Lai-Da-Thức, ngoài cái chức vụ làm chủ tể các thức kia, nó lại nương vào Mạt-Na-Thức mà chuyển biến, vì trong bản thể của nó có đủ các thứ giống để sanh hóa các Pháp; thành thử, nó cũng có tên là " Nhứt Thiết Chủng ". Những hột giống nói đây chẳng phải vật chất như hột đậu, hột dưa, mà thật là một sức mạnh vô hình, có nhiều năng lực khác nhau, để rồi tùy duyên chuyển hóa các pháp: Nhập-Thế và Xuất-Thế.

Những Chủng-tử ấy kể sơ lược như vầy: Nguyên khi Lục-căn giao tiếp với Lục-trần mà sanh ra Lục-thức. Lục-thức sanh ra Vọng-niệm, Vọng-niệm theo cơ duyên bên ngoài mà hoạt động mãi đến khi hết cơ duyên bên ngoài thì Vọng-niệm thu hình thành những dấu vết tinh vi và theo Truyền-Thống-Thức vào ở ẩn trong Nhứt-thiết-Chủng, chờ có cơ hội khác, xuất phát hành động nữa và cứ thế mãi mãi.

Mà mỗi lần xuất hiện hoạt động thì "Nhứt-thiết-Chủng" thâu thập thêm một sức mạnh nữa. Tích thiểu thành đa, ấy vậy nên từ bao nhiêu kiếp quá khứ đến nay Vọng-niệm súc tích trong Nhứt-thiết-Chủng một số hạt giống không biết bao nhiêu mà kể. Đại loại như phiền não, tư lường, Tham, Sân, Si, vân vân . . Chính những Vọng-thức nầy là nghiệp vô minh, che khuất đường chánh. Nay muốn giải thoát ra ngoài vòng sanh tử người ta phải phá sạch nghiệp vô minh.
Phương pháp tu tập sẽ giảng giải trong hai chương sau Hạ-Thừa và Thượng-Thừa.

Tóm lại: Chương I: "Vũ Trụ Quan" nói về Dịch-lý của Đại-Vũ-Trụ, Thiên-Địa biến hóa vô cùng, tạo lập Càn Khôn hóa sanh vạn vật và khi đã trót sanh thành rồi vạn vật cũng phải theo Đạo biến hóa mà thay đổi không ngừng.

Còn Chương II: " Nhơn Sanh Quan " nói về Đạo biến hóa ở trong Nhơn-thân. Như Chương trước đã nói rõ rằng: " Tiểu-Vũ-Trụ-Nhơn-thân " cùng " Đại Vũ Trụ Thiên Địa " đồng nhứt lý và cũng nhơn lẽ ấy mà sự sống động của Nhơn-thân tùy thuộc Đạo tự nhiên.

Lục-Cửu-Uyên là người Trung Hoa sanh vào khoảng 1139-1192 nói rằng:
"Vũ-trụ nội sự nãi kỷ phận nội sự.
Kỷ phận nội sự nãi Vũ-trụ chi nội sự ".

Nghĩa là việc trong Vũ-trụ là việc trong chức phận của mình. Việc trong chức phận của mình là việc trong Vũ-trụ.
Còn về đường tu tập, Đổng-Trọng-Thơ sanh đời Tây Hớn bên Tàu nói rằng:
"Nhơn chi nhơn bổn ư Thiên ".
Nghĩa là Nhơn-đạo của người gốc ở nơi Trời.

Nhơn Đạo gốc ở Trời là sao?

Tức là Mạng-Trời, Thiên-lý, Tánh hay Đạo như đã nói trước kia. Nhưng có điều đáng tiếc là khi Nhục-thân tiếp xúc vật chất sanh lòng hiếu ố, kích động Tâm làm cho Tánh biến thiên nhiều trạng thái khác nhau như Chương Bát-thức đã nói trong trương trước và Tình-dục lại gây thêm những tế tâm duyên tướng làm cho Thiên-lý lu mờ đó là nguyên nhơn khiến Chúng-sanh trầm luân khổ hải.

Nay muốn giữ Mạng-Trời nơi người để theo đó mà trở về với Cội-Sanh mình là Chí-Tôn thì phải phá những cái gì che khuất Thiên-lý. Đó là yếu lý của hai pháp môn tu tập Hạ Thừa và Thượng Thừa sau nầy. / .

HẾT

Index

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
Chương Trình Giáo Lý - 2008
* * *

BÀI ĐỌC THÊM số 2
(Kèm theo Bài Hướng Dẫn số 1 - Chuyên Đề II: Nhân Sinh Quan)
* HDV: HT. BS. Bùi Đắc Hùm)

NHƠN SANH QUAN
*Trích Quyển "Bước Đầu Học Đạo"- Soạn giả: HT. Nguyễn văn Hồng.

_____

Nhơn Sanh Quan (Nhân Sinh Quan) là một hệ thống tư tưởng triết học xem xét về nguồn gốc của con người, sự sống sự chết, mục đích và ý nghĩa của đời sống con người.
Nhân Sinh Quan của Đạo Cao Đài thuộc về triết học Duy Linh Duy Nhất, vượt lên trên triết học Duy Tâm và Duy Vật, mà còn dung hợp được hai quan niệm nầy.
Nhân sinh quan của Đạo Cao Đài sẽ giải đáp một cách minh bạch các vấn đề sau đây: Nguồn gốc của loài người. Con người từ đâu tới? . . .

NGUỒN GỐC CỦA LOÀI NGƯỜI

Đạo Cao Đài xác nhận rằng, loài người nguyên thủy có được là do sự tiến hoá của loài khỉ vượn thuộc lớp động vật cao cấp mà thành. Điều nầy được chứng minh bằng Định luật Tiến hóa của chúng sanh và của Bát Hồn.

1)- Luật Tiến hóa của Chúng sanh.
Chúng sanh là các loài sanh vật, tức là các loài vật có sự sống được sanh ra trên mặt Địa cầu nầy, gồm: Vật chất Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm và Nhơn loại.
Khởi thủy, quả Địa cầu của chúng ta chỉ là một khối lửa văng ra từ Mặt Trời. Theo thời gian, khối lửa ấy nguội dần, tạo ra một lớp vỏ đất đá bao bọc bên ngoài. Đến lúc nhiệt độ hạ xuống khá thấp, lớp hơi nước được tạo thành bao bọc chung quanh Địa cầu, gây ra những đám mưa lớn rơi xuống, tạo nên các sông ngòi và biển cả.

Nước của sông và biển làm ổn định nhiệt độ của Địa cầu, nên sanh vật bắt đầu xuất hiện trong nước. Sanh vật đầu tiên là loài Thảo mộc đơn giản chỉ có một tế bào (đơn bào). Dần dần nó sanh sản thêm bằng cách phân bào, rồi tiến hóa lên thành các loại nấm, rong rêu, tiến hóa tiếp thành cây cỏ và cây cối. Càng tiến hóa, Thảo mộc càng to lớn, rắn chắc và phức tạp.

Một thời gian dài tiếp theo, loài động vật bắt đầu xuất hiện. Động vật đầu tiên xuất hiện trong nước, có cơ cấu đơn giản chỉ một tế bào (đơn bào). Dần dần nó sanh sản và tiến hóa lên thành các loài sứa, loài cá, rồi tiến hóa thành các loài động vật sống trên cạn có chân, tiến hóa lên nữa thành loài thú chạy, thú bay. Loài động vật có trình độ tiến hóa cao nhất là giả nhân thuộc loài khỉ vượn.

Trong loài khỉ vượn, ở cấp thấp chúng có thân hình nhỏ và có đuôi. Chúng tiến hóa lên thành loài khỉ vượn cao cấp gọi là giả nhơn, có thân hình to lớn không đuôi.
Một thời gian dài tiếp theo, loài giả nhơn tiến hóa lên thành loài người nguyên thủy. Giả nhơn còn di chuyển bằng bốn chi, tiến hóa lên thành người nguyên thủy thì đi bằng hai chân sau, hai chi trước trở

thành hai tay để cầm bắt và hái lượm trái cây. Hình vóc cũng lần lần biến đổi, tướng đi đứng thẳng, lông trên thân thể rụng dần, cái đầu nở to, bộ óc phát triển lớn dần.
Chúng ta có thể tóm tắt sự tiến hóa của chúng sanh bằng hình vẽ sau đây:

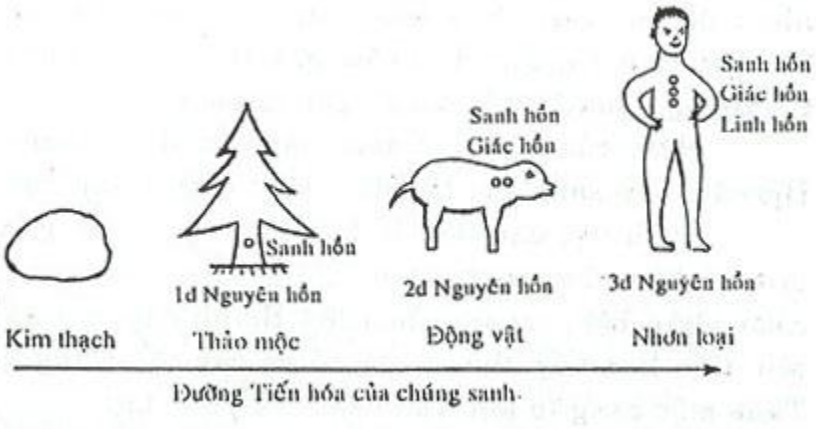

* Hình vẽ sự tiến hóa của Chúng sanh với (03) Nguyên hồn

- **Loài Kim thạch** có sự sống chưa thể hiện rõ rệt, nó chỉ là sự liên kết của các tế bào tạo thành tinh thể rắn chắc. Loài kim thạch hoàn toàn không có tri giác.

- **Loài Thảo mộc,** được Thượng Đế ban cho một điểm nguyên hồn để làm **Sanh hồn**, tạo nên sự sống. Điểm nguyên hồn nầy được Đấng Thượng Đế rút ra từ khối Đại hồn (Đại Linh Quang) của Ngài.
Loài Thảo mộc chỉ có sự sống mà chưa có tri giác.
Loài Thảo mộc cấp cao thì lá biết khép lại khi đêm xuống hay khi bị đụng chạm, như cây su đủa, cây mắc cở; vài loại Thảo mộc có cánh hoa phát ra mùi thơm để dụ côn trùng bay đến rồi khép các cánh hoa ấy lại đặng bắt côn trùng mà hút thịt và máu. Như thế, chúng đã có chút ít tri giác nhưng rất thô sơ, gần như chỉ là những phản xạ tự nhiên.

- **Tiến lên là loài Động vật,** được Thượng Đế ban thêm cho một điểm nguyên hồn nữa để làm **Giác hồn,** tạo ra sự hiểu biết, như đau đớn biết la, sợ hãi biết chạy trốn, biết đi tìm thức ăn thích hợp, biết tìm chỗ ẩn trú an toàn, biết nuôi con, có chút ít trí nhớ nhưng rất sơ sài.
- Tiến lên đến phẩm Nhơn loại, là đẳng cấp cao nhứt của chúng sanh, được Thượng Đế ban thêm cho một điểm nguyên hồn nữa để làm Linh hồn, lúc đó sự hiểu biết mới được hoàn toàn.
Nhờ linh hồn, con người có được sự hiểu biết, sự suy nghĩ, phán đoán, biết được lẽ phải trái và có tánh linh.

Đến đây, **con người có đủ Tam Hồn: Sanh hồn, Giác hồn và Linh hồn.**

Những con thú mới tiến hóa lên làm người thì còn khờ khạo ngu ngây, độc hiểm, hình dáng thô kệt xấu xí, nếu chịu học hỏi tiến hóa thì chuyển kiếp đôi ba chục lần cũng đặng minh mẫn khôn ngoan và có thân hình tốt đẹp.

2)- Luật Tiến hóa của Bát Hồn:
Tất cả chơn linh trong Càn Khôn Vũ Trụ, gọi là Vạn linh, được chia làm **(08) bực tiến hóa cao thấp khác nhau, gọi là Bát hồn hay Bát phẩm Chơn hồn**, kể từ thấp lên cao:

1. Kim thạch hồn
2. Thảo mộc hồn.
3. Thú cầm hồn.
4. Nhơn hồn.
5. Thần hồn.

6. Thánh hồn.
7. Tiên hồn.
8. Phật hồn.

- **Sự Tiến hóa trong giai đoạn đầu từ Kim thạch hồn lên Nhơn hồn là sự Tiến hóa tự nhiên,** do sự thúc đẩy Luật Tiến hóa, và sự tiến hoá đi lên dần dần theo từng cấp bực, không có sự nhảy cấp và cũng không có sự thoái cấp.

- **Sự Tiến hóa trong giai đoạn tiếp theo, từ Nhơn hồn lên đến Phật hồn là do sự tu luyện của Nhơn hồn,** nên Nhơn hồn có thể tiến hóa rất nhanh, một kiếp tu có thể vượt lên hai cấp, ba cấp hay bốn cấp, để đến Phật hồn; nhưng cũng có thể thoái hóa xuống loài Cầm thú khi Nhơn hồn không tu mà lại phạm vào tội đại ác.

* Con người nhờ có trí não khôn ngoan hiểu biết, phân biệt được điều hay lẽ dở, thiện ác, chánh tà, có lương tâm kềm chế, có lục dục thất tình xúi giục. Nếu biết bỏ ác theo lành, cải tà qui chánh, chế ngự lục dục thất tình và chuyển hóa chúng theo đường Thiên lý thì con người sẽ tiến hóa đi lên, tùy theo công đức nhiều ít mà đạt được các phẩm: Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

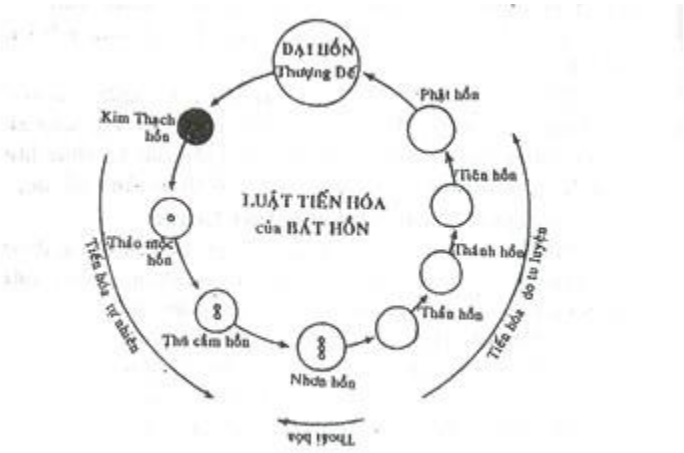

Luật tiến hóa của Bát hồn

*Nếu ngược lại, con người bỏ chánh theo tà, bỏ lành làm ác theo vật dục thấp hèn thì Nhơn hồn bị thoái hóa xuống Cầm thú, mang lông đội sừng mà đền tội lỗi.

Sự Tiến hóa đi lên của Nhơn hồn, khi đã đến Phật hồn rồi thì chưa phải là đến mức tối cao của nấc thang tiến hóa. **Phật hồn còn phải tiếp tục tu luyện để tiến hóa lên mức tối cao là Thiên hồn, tức Đại hồn của Thượng Đế.**

Tới đây là đi giáp một chu trình tiến hóa của Bát hồn, bởi vì Bát hồn xuất phát từ Thiên hồn (Đại hồn, Đại Linh Quang), đi chu du giáp một vòng tiến hóa, nay trở về hiệp nhập vào Đại hồn.
Sự tiến hóa từ loài khỉ vượn cao cấp (giả nhơn) lên phẩm người, phù hợp với sự khám phá của các nhà khoa học và khảo cổ với chứng tích là các bộ xương hóa thạch của vượn-người, rồi người-vượn, và sau cùng tiến hóa thành người nguyên thủy, thủy tổ của nhơn loại.

Nhiều người phủ nhận nguồn gốc con người là sự tiến hóa từ loài vượn cao cấp, cho rằng như vậy là hạ thấp phẩm giá của con người, nhưng đây là sự thật đúng theo luật Tiến hóa của Càn Khôn, đúng theo Luật Tiến Hóa của Bát Hồn.

3)- Con người từ đâu tới? Ba hạng người.
Nhơn loại được chia làm ba hạng người, căn cứ theo nguồn gốc: đó là Nguyên nhơn, Hóa nhơn, Quỉ nhơn.

a)- Hóa nhơn:
Hóa nhơn là những người do sự tiến hóa đi lên từ loài Thú cầm. Đa số trong nhơn loại đều là Hóa nhơn. Tuy Hóa nhơn có đủ Tam hồn, nhưng ý thức còn rất ngu khờ, lại mới thoát ra từ Thú cầm, nên tánh tình còn hung dữ thô lỗ, hình dáng còn thô kệch xấu xí, chưa đủ khôn ngoan và kinh nghiệm để xây dựng đời sống tiện nghi tốt đẹp.
Đó là loài người nguyên thủy, còn trong tình trạng ăn lông ở lỗ. Thời gian nầy kéo dài khá lâu.
ThượngĐế thấy vậy mới cho các Nguyên nhơn khôn ngoan và tốt đẹp giáng trần để khai hóa các Hóa nhơn.

b)- Nguyên nhơn:
Thượng Đế cho các Nguyên nhơn đầu kiếp xuống trần, nhập vào bào thai của các Nữ Hóa nhơn, để được sanh ra làm người, gọi là Nguyên nhơn.
Các Nguyên nhơn lớn lên có hình dáng tốt đẹp, giữ được Thiên Tánh, chưa nhiễm trược trần, trí não thông minh sáng suốt, đứng ra lãnh đạo và giáo hóa các Hóa nhơn cho được hiểu biết, tiến bộ, thoát khỏi đời sống dã man ăn lông ở lỗ, xây dựng một xã hội trật tự tiến bộ.
Theo sử sách xưa để lại, chúng ta biết:
- Hữu Sào dạy dân kết cây làm tổ để ở, tránh nguy hiểm do thú dữ gây ra.
- Toại Nhân dạy dân khoan cây lấy lửa, dùng lửa nấu chín thức ăn.
- Phục Hy dạy dân nuôi thú vật để sai khiến làm lụng, chế ra lưới để bắt cá bắt chim, chế đàn cầm đàn sắt để dạy dân lễ nghĩa, qui định phép gả cưới để tạo thành gia tộc, chế ra Bát Quái để chỉ cái lẽ Âm Dương biến hóa của Trời Đất cho dân biết thuận tùng Thiên lý.
- Thần Nông dạy dân làm cày bừa, phát triển nghề nông, gieo trồng Ngũ cốc, tổ chức chợ búa để dân hội họp trao đổi hàng hóa, chế ra lịch để dân biết năm tháng mà gieo cấy, nếm thử các thứ cây cỏ để chế thuốc trị bệnh.
- Huỳnh Đế (Hoàng Đế) chế ra xe thuyền để đi lại và vận chuyển hàng hóa, chế ra áo mão để phân định tôn ti trật tự, chế ra văn tự để ghi chép.
Những vị kể trên chỉ là điển hình của các Nguyên nhơn có công giáo hóa dân chúng, đem lại nhiều lợi ích cho nhơn sanh, nên được nhơn sanh biết ơn, tôn lên làm vua.

Theo Thánh giáo thì Thượng Đế cho tất cả 100 ức Nguyên nhơn giáng trần ở khắp nơi trên thế giới, trong đủ các sắc dân. Đã có 08 ức Nguyên nhơn làm xong nhiệm vụ, giữ được bổn tánh Thiên lương, nên đã trở về cùng Đức Chí Tôn, còn lại 92 ức Nguyên nhơn bị nhiễm nhiều thứ ô trược nên vẫn còn trầm luân nơi cõi trần.
(1 ức = 100 ngàn; 92 ức = 9 triệu 200 ngàn)

c)- Quỉ nhơn:
Những Hóa nhơn và những Nguyên nhơn ác hành, phạm Thiên điều, linh hồn bị đọa vào Quỉ vị, thành ra các Quỉ hồn. Các Quỉ hồn đầu kiếp lên làm người nơi cõi trần để trả quả, được gọi là Quỉ nhơn.

Vậy, nhơn loại đến Địa cầu nầy có 02 nguồn gốc:
- Một là Thú cầm tiến hóa lên làm Người, gọi là Hóa nhơn, đó là người nguyên thủy, Thủy tổ loài người.
- Hai là từ cõi Trời, được Thượng Đế cho giáng sanh xuống làm Người nơi cõi trần, gọi là Nguyên nhơn.

Phần lớn trong nhơn loại đều là Hóa nhơn. Số Nguyên nhơn hiện nay còn lại nơi cõi trần là 92 ức. Số Quỉ nhơn trong nhơn loại cũng khá nhiều, vì đây là thời Mạt Kiếp sắp chấm dứt để bước vào Đại Hội Long Hoa, nên Đức Chí Tôn cho tất cả các Quỉ Hồn đầu kiếp để thực hiện sự trả quả gấp rút và rốt ráo.

*** <u>Chú thích</u>:**
- Bài nầy trích từ "Nhân Sinh Quan" (Phần I) của Tác giả: HT. Nguyễn văn Hồng.

<u>HẾT</u>